

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31- 12 -2021.

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Nguyễn Hoài Phương

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Duy Cường - CBTA.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 31-12-2021 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 06-12-2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H (bà T), sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: Bon K (thôn 6), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956, vắng mặt.

Địa chỉ: Bon K (thôn 6), xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Ngọc T chung sống với nhau năm 1984, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa tuy nhiên do giấy đăng ký kết hôn thất lạc nên vào năm 1993 thì đăng ký lại. Trong quá trình chung sống cuộc sống vợ chồng bình thường đến năm 2003-2004 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ngoại tình, mặc dù bà H đã bỏ qua tuy nhiên kể từ đó cho tới nay, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, vì lo cho các con nên bà H cố gắng chịu đựng, ngoài ra trong quá trình sống chung ông T nhiều lần đánh đập bà H, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, do tính tình không hợp, hiện nay bà H cảm thấy không thể

duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông T được nữa, do vậy bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1987, Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989 và Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, do các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-12-2021 của Tòa án đối với ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông và bà H kết hôn năm 1984 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên do giấy kết hôn thất lạc nên năm 1993 đăng ký lại; sau khi kết hôn ông và bà H sinh sống tại Thanh Hóa, năm 1992 chuyển đến sinh sống tại Lâm Đồng; năm 2008 chuyển đến sinh sống tại địa bàn xã Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có tiếng to, nhỏ qua lại nhưng chưa đến mức phải ly hôn do vậy ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung như ý kiến bà H trình bày, do các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu, đề nghị gì.

Về tài sản chung: Thời gian sống chung ông và bà H có tạo dựng một số tài sản chung, tuy nhiên do không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu, đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong phát biểu ý kiến với các nội dung:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của nguyên trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T; về con; chung và tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không đề cập.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc T hiện đang cư trú tại thôn 6 (bon Kalayu), xã Q, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về vấn đề ly hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Ngọc T chung sống và đăng ký kết hôn năm 1993, tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, bà H và ông T đều xác nhận cuộc sống vợ chồng có những mâu thuẫn nhất định, ông T cho rằng chưa đến mức phải ly

hôn, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với anh Nguyễn Đức T (con ông T, bà H) thể hiện trong cuộc sống hằng ngày, ông T, bà H có cãi nhau, nguyên nhân do tính tình không hợp, nên những vấn đề nhỏ trong cuộc sống gia đình cũng dẫn đến cãi nhau, cuộc sống hôn nhân giữa ông T, bà H không thể hàn gắn và kéo dài được. Xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H đã đến mức trầm trọng, không còn có sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H đối ông T là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Bà H và ông T có 3 con chung là Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1987, Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1989 và Nguyễn Đức T, sinh năm 1990, do các con đã trưởng thành, ông T, bà H không yêu cầu gì nên không đề cập giải quyết

Về tài sản chung: Ông T, bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

1.2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004010 ngày 15-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã C, huyện N (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Phạm Đình Hưng**

